

Số: 218/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà **Bùi Thanh Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 303/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 182/2025/QĐST-VLĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; thường trú: E694, tổ B, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: 144 bis đường N, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1996; thường trú: Thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; địa chỉ liên lạc: 144 bis đường N, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần V; địa chỉ: đường số B, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: C, đường S, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái S, chức vụ: Phó Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T trình bày: Do có nhu cầu làm thủ tục bảo hiểm xã hội để điều chỉnh thông tin thì phát hiện, trong khoảng từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020, bà Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần V và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 4704039646. Tuy nhiên, thực tế trong khoảng thời gian trên, bà T làm việc tại Công ty cổ phần T1 và được Công ty T1 đóng bảo hiểm xã hội số 4704039646 và bà cũng không biết ai sử dụng thông tin của mình để giao kết hợp đồng trái pháp luật. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty cổ phần V là vô hiệu. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần V là bà Phạm Thị N trình bày:

Công ty xác nhận bà Nguyễn Thị T và Công ty ký kết hợp đồng lao động từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2020 nhưng đến tháng 02/2020 bà T có đơn xin thôi việc và được công ty C. Quá trình bà T làm việc tại công ty được công ty T2 từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020 theo sổ sổ BHXH 7526787221. Do qua trình ký kết hợp đồng lao động và thời gian chấm dứt hợp đồng của bà T đến hiện tại đã qua thời hạn lưu trữ hồ sơ nên Công ty không còn lưu hồ sơ gốc để đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ xin việc và ký kết hợp đồng lao động, Công ty không đủ chức năng nhận biết hồ sơ của người lao động là giả. Đối với yêu cầu giải quyết của bà Nguyễn Thị T thì Công ty không có yêu cầu phản tố và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Ông Nguyễn Thái S là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra dữ liệu quản lý thu, bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 22/6/1975, số CCCD: 040175030485 có quá trình tham gia BHXH với 02 mã:

- Với mã số BHXH: 04704039646 có quá trình tham gia từ tháng 4/1996 đến tháng 10/2023 tại Công ty cổ phần T1.

- Với mã số BHXH: 7526787221 có quá trình tham gia từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020 tại Công ty cổ phần V.

Đối với yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020, người lao động tên Nguyễn Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần V và được Công ty T2, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7526787221. Tuy nhiên, bà T trình bày không biết ai sử dụng thông tin cá nhân của mình để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần V vì thời gian đó bà T đang làm việc và ký kết hợp đồng

lao động với Công ty cổ phần T1, được Công ty T1 tham gia bảo hiểm với số sổ 4704039646.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm cơ sở L. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 4/1996 đến tháng 10/2023, bà T đang làm việc tại Công ty cổ phần T1 và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 4704039646. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty cổ phần V trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020 không phải là bà Nguyễn Thị T.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền”* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”*.

Do đó, có cơ sở xác định việc người sử dụng hồ sơ cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7526787221 từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020 tại Công ty cổ phần V là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty cổ phần V theo sổ bảo hiểm xã hội số 7526787221 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *“... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”*, chấp nhận yêu cầu của bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động

vô hiệu. Về việc xác định người lao động tại Công ty cổ phần V trong giai đoạn từ tháng 8/2018 đến tháng 02/2020 không phải là bà Nguyễn Thị T và bà T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4704039646.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty cổ phần V (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7526787221) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7526787221 không phải là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040175030485. Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 4704039646.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0017007 ngày 12/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Kim Hoa